

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2023/DS-ST
Ngày: 12-9-2023
v/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du
Bà Nguyễn Thị Lý
- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyên Khang là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:**
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2023/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 107 đường Đ, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).
- Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức Đăng K - Sinh năm: 1981 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1980. Địa chỉ: Số 107 đường H, tổ 55, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Ông K, bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Thu H1. Địa chỉ nơi làm việc: Số 35 đường D, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/03/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Tháng 7/2019 ông Nguyễn Đức Đăng K có vào cửa hàng điện nước của bà tại địa chỉ: Số 107 đường Đ, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng và thỏa thuận với bà là ông K mua hàng điện nước về sửa nhà của ông Nguyễn Đức Đăng K, bà Nguyễn Thị H tại địa chỉ: Số 107 đường Hoàng Dư Khương, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, ông K có cho

người làm thuê đến lấy hàng, bà có ghi vào sổ nợ. Hai bên thống nhất và chốt công nợ với số tiền là 90.867.500 đồng. Từ năm 2019 đến tháng 8/2022, ông K cho kế toán công ty của ông K là bà Nguyễn Thị Thu H1 và vợ ông K là bà Nguyễn Thị H trả dần chứ không thanh toán dứt điểm cho bà. Số tiền vợ chồng ông K, bà H còn nợ bà là 30.800.000 đồng. Bà đã nhiều lần đến nhà vợ chồng ông K, bà H đòi nợ nhưng vợ chồng ông K không trả và có thái độ thách đố, ăn nói hỗn xược với bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền mua hàng còn nợ là 30.800.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 30.800.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức Đăng K, bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1: Mặc dù ông Nguyễn Đức Đăng K, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thu H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Đức Đăng K, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thu H1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Đức Đăng K, bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1 chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/03/2023 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mua thiết bị điện nước còn nợ. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ: Số 107 đường Hoàng Dư Khương, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Đức Đăng K, bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự có tên nêu trên.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền mua thiết bị điện nước còn nợ là 30.800.000 đồng:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đưa ra chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.2] Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là Bản chính sổ ghi chép bán hàng thể hiện: Từ ngày 17/10/2019, bà Vbắt đầu ghi sổ hàng hóa thiết bị điện nước đã bán cho ông K, bà H để sửa chữa nhà tại địa chỉ: Số 107 đường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vào các ngày 17/10/2019, ngày 18/10/2019, ngày 19/10/2019, ngày 22/10/2019, ngày 28/10, 29/10, 31/10/08/11, 13/11, 25/12 có chữ ký xác nhận và bà Vtrình bày là chữ ký của nhân viên của ông K tên là Nghĩa đến mua hàng, bà không rõ họ và địa chỉ cụ thể của nhân viên tên Nghĩa, bà tìm hiểu thì được biết sau khi sửa nhà địa chỉ: Số 107 đường H, quận C, thành phố Đà Nẵng của ông K, bà H xong thì ông Nghĩa đã nghỉ việc. Tại trang cuối của sổ chép bán hàng thể hiện nội dung: “*Sang qua ngày 10/2/2021: 70.867.000 - 20.000.000 đồng = 50.867.000 đồng*” có chữ ký xác nhận ở phía dưới và theo bà Vtrình bày đó là chữ ký của vợ ông K là bà Nguyễn Thị H, vào khoảng ngày 10/2/2021 ông K gọi bà nói bà đến nhà ông K ở địa chỉ 107 đường H, quận C, thành phố Đà Nẵng để trả nợ. Tại đây bà có gặp bà H (vợ ông K) thì bà H trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng và ký xác nhận còn nợ số tiền 50.867.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo số 198/TB-TA ngày 03/8/2023 về việc yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc: Ngày 10/02/2021, bà H có ký xác nhận số tiền nợ 50.860.000 đồng với bà Vkhông? Trường hợp bà H cho rằng không phải chữ ký của bà H yêu cầu bà H cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không thực hiện. Bà Vtrình bày vào ngày 29/01/2022 thì bà Nguyễn Thị Thu H1 là kế toán công ty của ông K trả số tiền 10.000.000 đồng, ngày 21/6/2022 ông K trả số tiền 5.000.000 đồng và ngày 22/8/2022 trả số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hàng ông K, bà H còn nợ bà là 30.800.000 đồng.

[4.3] Theo biên bản xác minh đề ngày 09/8/2023 tại nơi cư trú của ông K , bà H do địa phương cung cấp thể hiện: “*Khoảng tháng 10/2019 vợ chồng ông K , bà H có sửa chữa nhà tại số 107 đường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Từ năm 2020 cho đến nay thì bà Nguyễn Thị V có thường xuyên đến đòi nợ tại nhà ông K , xảy ra cãi vã*”.

[4.4] Từ những nhận định trên, HĐXX có căn cứ xác định: Vào khoảng tháng 10/2019, mặc dù giữa bà Nguyễn Thị V với ông Nguyễn Đức Đăng K , bà Nguyễn Thị H không có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là thiết bị điện nước nhưng giữa ông K , bà H với bà V có phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa là thiết bị điện nước để sửa chữa cho ngôi nhà của ông K , bà H tại địa chỉ: Số 107 đường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Tính đến thời điểm hiện nay, ông K , bà H còn nợ bà V số tiền mua hàng là 30.800.000 đồng. Bà V nhiều lần yêu cầu ông K , bà H thanh toán nhưng ông, bà vẫn không thực hiện và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Đức Đăng K , bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền hàng còn nợ là 30.800.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 351 và 440 Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên HĐXX chấp nhận

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 30.800.000 = 1.540.000$ đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 351, 440 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Buộc ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị V số tiền nợ mua thiết bị điện nước là 30.800.000 đồng (Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đức Đăng K và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.540.000 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí 770.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 00009409 ngày 29/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền